

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,734 – 1,764 hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,759.08 điểm, tăng gần 6 điểm so với hôm qua. 11/18 ngành tăng điểm, trong đó các ngành Dịch vụ tài chính, Du lịch & giải trí và Dầu khí tăng từ 1.2% đến 2.4%. Ở chiều ngược lại, các ngành Truyền thông, Hàng cá nhân & gia dụng và Công nghệ thông tin giảm trên 2%. Các ngành còn lại không có diễn biến đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 2 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX và mua ròng trên hai sàn HNX và UPCOM. Trước mắt, VN-Index phải đối mặt với vùng kháng cự tại gap tăng 1,768 – 1,778. Thị trường hiện tại vẫn giao dịch rời rạc và thiếu ổn định; các nhịp hồi phục chưa có sự lan tỏa. Nhà đầu tư tiếp tục giao dịch thận trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều tăng cùng chiều với nhịp vận động của chỉ số VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 06/10/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.88** điểm, đóng cửa tại **1759.08** điểm. HNX-Index **-4.09** điểm, đóng cửa tại **265.53** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+1.35)**, **VHM (+1.21)**, **BSR (+0.75)**, **LPB (+0.57)**, **VNM (+0.53)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.52)**, **ACB (-0.47)**, **SSB (-0.45)**, **VBB (-0.19)**, **PNJ (-0.15)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,518** tỷ đồng, tăng **43.07%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,637 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 28.9 điểm. Thị trường có **127** mã tăng, 64 mã tham chiếu, **177** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2613.38** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (-1957.65 tỷ)**, **VJC (-770.72 tỷ)**, **PNJ (-101.61 tỷ)**, **TCB (-85.50 tỷ)**, **ACB (-69.70 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **87.27** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.54%**. Các mã diễn biến tích cực:
VCI (+4.30%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+3.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSB (+3.60%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.07%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVD (+4.20%) [\(Link báo cáo\)](#)
NAB (+3.20%) [\(Link báo cáo\)](#)
DIG (+3.10%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.54%	-0.07%	0.34%	0.23%
1 tuần	-1.42%	-1.77%	-1.05%	-0.81%
1 tháng	-2.91%	-3.65%	-3.90%	-3.54%
3 tháng	-4.14%	-7.48%	-2.63%	-2.43%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,759.08	265.53	125.23
% 1D	0.34%	-1.52%	-0.21%
GTKL (tỷ VND)	14,518	1,003	353
%1D	43.07%	71.98%	-1.09%
GDNN (tỷ VND)	-2613.38	87.27	5.44

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	78.38	HDB	-1957.65
VIC	78.02	VJC	-770.72
GMD	59.76	PNJ	-101.61
VND	49.73	TCB	-85.50
DCM	45.07	ACB	-69.70

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

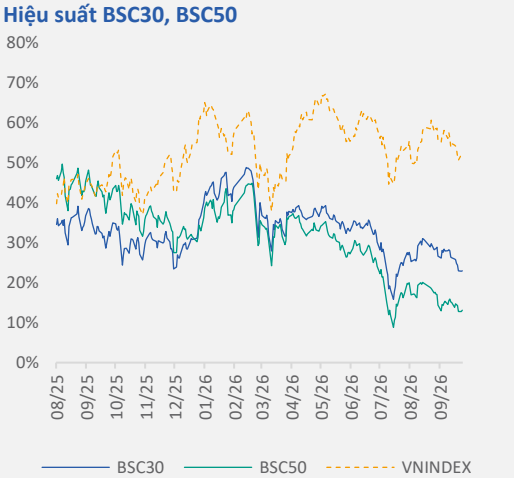
Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	7,774	0.66%	1.17%
FTSE100	7,912	0.99%	-1.55%
Eurostoxx	25,513	1.06%	0.54%
Shanghai	3,842	0.31%	-2.78%
Nikkei	70,684	1.05%	7.95%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	99.23	-1.09%
Giá vàng	4,152	0.30%
Tỷ giá		
USD/VND	25,996	0.01%
EUR/VND	29,227	0.19%
JPY/VND	164	-0.11%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.5%	0.00%
LS LNH 1M	5.3%	-0.06%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	80.90	4.25%	1.35	0.91
VHM	69.00	1.02%	1.21	7.04
BSR	31.10	2.30%	0.75	10.17
LPB	43.90	2.09%	0.57	3.12
VNM	58.40	2.10%	0.53	3.30

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	85.00	7.73%	0.19	0.00
PVS	33.60	1.51%	0.15	4.85
MBS	15.40	1.32%	0.12	5.34
SHS	12.90	1.57%	0.11	19.50
IPA	12.80	4.07%	0.08	0.276

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
PMG	5.99	6.96%	0.01
VCA	6.94	6.77%	0.00
SC5	15.90	6.71%	0.00
CII	12.35	5.11%	11.92
PVP	23.90	4.60%	1.24

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
DNC	49.60	9.98%	0.00
CAR	27.10	9.72%	0.01
L40	22.80	9.62%	0.25
SHN	8.30	9.21%	0.30
ONE	9.50	9.20%	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	60.40	-2.42%	-0.52	8.32
ACB	20.60	-1.90%	-0.47	14.06
SSB	16.80	-3.72%	-0.45	2.168
VBB	13.30	-5.67%	-0.19	1.82
PNJ	20.15	-6.93%	-0.15	16.33

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	98.00	-9.93%	-2.22	0.03
KSV	110.00	-1.79%	-0.35	0.08
KSF	75.70	-0.53%	-0.21	0.07
PVI	65.30	-0.91%	-0.09	0.02
NTP	51.50	-1.15%	-0.07	0.07

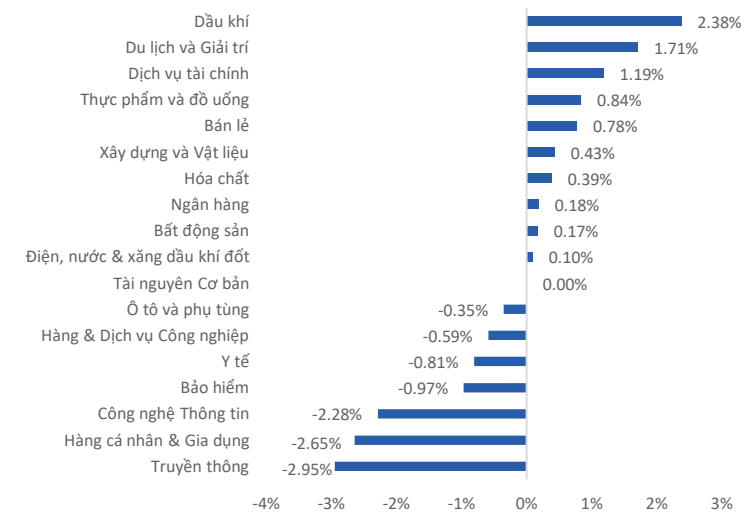
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
HSL	8.65	-6.99%	2.39
VDP	35.40	-6.96%	0.00
KOS	12.75	-6.93%	0.07
PNJ	20.15	-6.93%	16.33
SGR	9.97	-6.82%	0.06

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

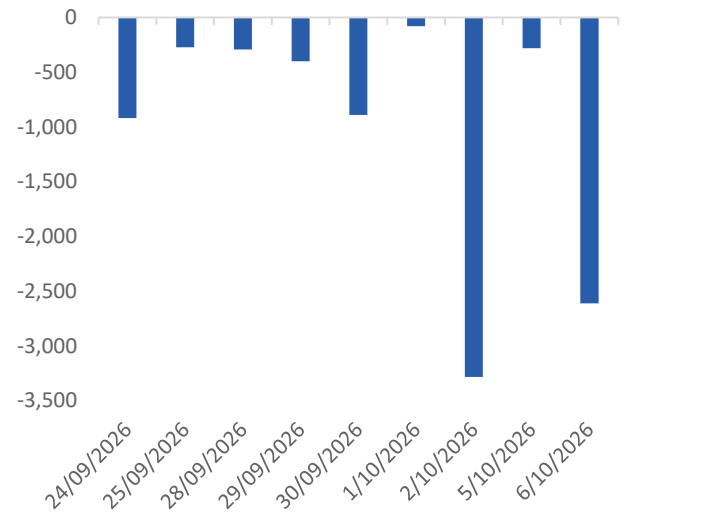
	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
VTH	9.00	-10.00%	0.00
HHC	70.20	-10.00%	0.01
THD	98.00	-9.93%	0.03
DVM	2.80	-9.68%	0.37
THB	7.60	-9.52%	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	76.0	2.2%	1.2	109,792	645.5	6,661	11.2	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	25.0	0.2%	1.3	23,497	62.7	1,218	20.5	42.4	6.3%	Link
KDH	Bất động sản	14.9	-1.0%	1.1	16,833	213.6	1,567	9.6	39.9	23.7%	Link
PDR	Bất động sản	11.2	-0.5%	1.3	11,175	53.1	619	18.1	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	69.0	1.0%	1.3	561,072	482.9	9,730	7.0	132.6	6.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	60.4	-2.4%	0.7	116,727	504.2	5,325	11.6	124.4	28.4%	Link
BSR	Dầu khí	31.1	2.3%	0.0	152,222	311.0	3,974	7.7	-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	33.6	1.5%	0.8	20,313	159.4	3,432	9.6	52.3	15.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.5	0.4%	1.2	32,104	91.1	1,322	17.7		34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.8	0.5%	1.2	58,976	699.3	1,752	11.2		30.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.4	4.3%	1.2	21,432	223.9	1,334	13.9		16.1%	Link
DCM	Hóa chất	33.7	3.7%	0.7	17,206	120.1	4,939	6.6	53.3	5.9%	Link
DGC	Hóa chất	34.4	-2.1%	1.1	13,330	17.5	5,603	6.3	96.7	2.9%	Link
ACB	Ngân hàng	20.6	-1.9%	0.8	121,893	290.1	2,701	7.8	27.1	23.4%	Link
CTG	Ngân hàng	29.8	0.5%	1.1	230,290	282.7	5,172	5.7	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	28.1	0.0%	1.0	140,398	2716.5	3,828	7.3	32.7	21.9%	Link
MBB	Ngân hàng	19.2	0.3%	1.0	192,817	332.5	3,237	5.9	32.4	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	14.4	3.6%	0.8	52,042	257.4	1,573	8.8	14.0	7.0%	Link
STB	Ngân hàng	67.7	-0.4%	0.8	128,195	219.3	1,634	41.6		10.6%	Link
TCB	Ngân hàng	32.5	-0.2%	1.2	230,303	987.5	3,829	8.5	43.5	20.6%	Link
TPB	Ngân hàng	11.8	-0.8%	1.1	37,963	99.8	2,376	5.0	-	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.3	0.5%	0.9	476,273	259.8	4,984	11.4	-	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	13.5	0.8%	0.8	50,054	109.3	1,990	6.7	23.0	3.6%	Link
VPB	Ngân hàng	23.2	0.9%	1.2	230,000	283.4	2,982	7.7	36.5	22.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.5	0.0%	1.1	173,081	349.2	2,750	7.5	32.2	21.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.0	-0.1%	1.2	8,073	18.9	813	12.3	14.3	3.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.3	-0.7%	1.0	6,617	26.1	2,679	5.7	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	72.0	1.0%	1.1	104,125	408.4	4,629	15.4	100.4	24.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.4	2.1%	0.5	119,545	190.3	5,246	10.9	78.0	49.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	47.8	0.74%	1.0	10,665	95.2	3,781	12.6	28.2%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	145.0	-1.36%	0.8	25,928	80.6	6,359	22.8	33.4%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	75.0	-1.06%	0.8	55,674	57.1	4,472	16.8	27.0%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	9.3	3.10%	1.3	7,851	71.8	987	9.4	2.4%	8.1%	Link
DXG	Bất động sản	9.9	-0.70%	1.3	12,567	181.6	157	63.3	15.5%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	10.1	0.00%	1.4	2,320	31.8	2,389	4.2	1.0%	23.0%	Link
IDC	Bất động sản	33.9	0.30%	1.1	14,151	126.3	5,201	6.5	14.6%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	21.5	-1.15%	1.2	10,405	59.3	1,407	15.2	35.9%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	48.2	-0.92%	0.9	11,670	3.2	5,867	8.2	2.3%	27.7%	Link
SZC	Bất động sản	16.7	0.91%	1.2	3,006	4.9	887	18.8	1.1%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	11.1	0.91%	1.4	11,137	86.5	312	35.5	10.1%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	232.0	0.00%	1.3	1,800,827	997.8	2,752	84.3	3.1%	13.9%	Link
VRE	Bất động sản	23.8	0.00%	1.2	54,081	88.0	3,191	7.5	11.0%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	20.4	-2.86%	0.9	4,751	6.3	1,692	12.1	36.3%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	36.2	1.97%	0.6	46,838	148.8	2,525	14.3	14.3%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	18.6	4.20%	0.7	17,256	138.6	1,199	15.5	8.1%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.7	0.81%	1.1	7,104	20.4	1,105	16.9	24.6%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.4	1.32%	1.1	15,414	80.0	1,828	8.4	0.3%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	79.3	0.38%	0.9	191,347	54.2	5,269	15.1	2.1%	18.9%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.7	0.00%	1.1	5,962	13.4	2,298	6.4	15.7%	13.8%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	0.00%	1.0	38,808	104.2	2,049	6.2	3.9%	16.2%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.0	-0.86%	0.5	28,676	39.8	4,237	10.9	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	128.8	0.00%	0.8	99,059	1041.7	2,830	45.5	6.1%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.0	-1.08%	1.7	30,029	164.2	1,049	21.9	6.6%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	78.0	0.26%	1.0	33,766	148.3	6,022	13.0	39.1%	19.3%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.5	-1.94%	0.9	9,688	41.5	6,633	7.6	5.4%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.5	1.24%	0.6	12,665	153.3	2,761	8.9	15.7%	16.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.1	-3.65%	0.8	10,114	92.7	2,199	22.8	4.0%	18.3%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.2	-6.93%	1.5	10,311	335.8	4,780	4.2	45.2%	18.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.8	-2.95%	0.9	1,741	18.3	1,872	7.9	48.0%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.3	0.00%	1.1	2,227	14.7	3,465	5.0	21.4%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	21.7	0.23%	0.7	14,720	68.2	2,608	8.3	3.3%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	32.8	0.31%	1.3	131,200	87.7	1,751	18.7	0.6%	12.0%	Link
EIB	Ngân hàng	16.4	0.00%	1.2	30,549	82.0	264	62.1	1.0%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	43.9	2.09%	0.4	131,142	136.5	3,780	11.6	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	12.9	3.20%	0.5	27,849	74.8	2,250	5.7	0.9%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	10.0	-0.10%	0.6	30,594	17.3	1,454	6.9	19.2%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	9.4	-0.95%	1.2	4,643	9.8	338	27.9	4.4%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.2	-1.15%	1.2	4,580	21.7	3,248	5.3	2.6%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.2	0.32%	0.5	11,364	90.2	256	121.5	3.9%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.6	-0.12%	0.4	54,573	17.2	3,723	11.4	58.8%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.0	-0.99%	1.0	10,473	13.2	6,485	7.7	17.5%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.9	-0.42%	0.6	11,616	3.7	15,674	9.1	82.4%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	58.8	1.20%	1.1	6,575	13.6	7,046	8.4	46.5%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	70.3	-0.71%	1.0	9,006	21.5	5,110	13.8	5.7%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	26.3	0.77%	1.1	3,119	5.8	3,530	7.5	18.3%	14.9%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.0	1.58%	1.0	5,159	25.7	1,164	7.7	10.4%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	19.5	-0.51%	0.9	7,999	12.0	2,809	6.9	8.2%	17.9%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	13.7	1.49%	0.9	9,530	29.1	5,869	2.3	2.0%	35.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.3	-0.45%	1.2	19,862	23.4	3,174	14.0	0.9%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Click
2	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
3	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
4	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
5	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
6	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
8	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
9	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
10	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
11	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
12	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
13	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
14	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
15	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
16	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
17	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
18	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
19	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
20	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
21	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
22	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
23	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>